

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa

Ông K và bà Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 660/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tuấn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 37/3A đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Trúc Q, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 37/3A đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Hồ Tuấn K trình bày:

Ông K và bà Phạm Trúc Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/KH, quyển số 01/2008. Từ năm 2017, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà Q không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên Ông K yêu cầu được ly hôn với bà Q. Trong quá trình chung sống, Ông K và bà Q có 02 con chung tên Hồ Tuấn K1, sinh ngày 08/11/2008, Hồ Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/11/2013, Ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, Ông K và bà Q không có tài sản chung. Về nợ chung, Ông K và bà Q không vay nợ ai.

Bị đơn bà Phạm Trúc Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bà Q và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Hồ Tuấn K có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn Ông K vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Q, về con chung, tài sản chung và nợ chung Ông K vẫn giữ nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn ông Hồ Tuấn K chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn bà Phạm Trúc Q chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tuấn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Tuấn K thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là bà Phạm Trúc Q có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Phạm Trúc Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Hồ Tuấn K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Trúc Q sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/KH, quyền số 01/2008, đăng ký ngày 01/4/2008, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Khang, Ông K trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bà Q không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hai bên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Ông K yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của Ông K là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy bà Phạm Trúc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà Q vẫn vắng mặt và bà Q cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện bà Q không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa Ông K và bà Q không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của Ông K cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông K và bà Q có 02 con chung tên Hồ Tuấn K1, sinh ngày 08/11/2008, Hồ Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/11/2013, hiện nay, Ông K đang nuôi dưỡng, Ông K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông K tự khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông K tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Hồ Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tuấn K:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Tuấn K được ly hôn với bà Phạm Trúc Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Tuấn K1, sinh ngày 08/11/2008, Hồ Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/11/2013 cho ông Hồ Tuấn K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Phạm Trúc Q cho đến khi có yêu cầu.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông K tự khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông K tự khai không nợ gì của ai.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Hồ Tuấn K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0043965 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Trúc Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho Ông K và bà Q hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường 11, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh